

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **39/2021/HS-ST**

Ngày: 18/5/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.

Ông Lâm Thuận Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thư Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Nhâm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Lê Bửu K**; Sinh ngày: 09/11/1995; Tại: Tỉnh Sóc Trăng; Thường trú: Số 3 đường PL, phường B, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở: Phòng trọ lầu 3, nhà số 103/6A đường LCH, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Phụ buôn bán; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Thành T và bà: Nguyễn Thùy B; Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 12/01/2021.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2. **Nguyễn Phan Hoàng N**; Sinh ngày: 17/4/1996; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 28/31 đường MXT, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Phòng trọ lầu 3, nhà số 103/6A đường LCH, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Ngọc T và bà: Phan Thị Thu H; Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 12/01/2021.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

Ông Trương Minh Q; Sinh năm: 1995; Thường trú: 27/16 đường TT, Phường P, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: Phòng trọ số 4, nhà số 103/6A đường LCH, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Châu Huệ N; Sinh năm: 1982; Thường trú: 907/1 đường HG, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 184 đường LĐH, Phường O, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Bà Phan Thị Thu H; Sinh năm: 1979; Thường trú: 28/31 đường MXT, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 22/2A đường NNC, Phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Bửu K và Nguyễn Phan Hoàng N cùng thuê phòng trọ trên lầu 3 nhà số 103/6A đường LCH, Phường J, Quận F. Ông Trương Minh Q là người thuê phòng trọ ở tầng trệt (ngay chân cầu thang) nhà số 103/6A đường LCH, Phường J, Quận F.

Khoảng 11 giờ ngày 10/01/2021, Lê Bửu K chở Nguyễn Phan Hoàng N về phòng trọ. Sau đó, N lên phòng trước, còn K trong lúc đẩy xe gắn máy biển số 83P1-669.58 (xe Wave màu đen) vào dựng tại bãi xe của khu nhà trọ thì phát hiện ổ khóa cửa phòng trọ của ông Q có cắm chùm chìa khóa (gồm chìa khóa phòng, chìa khóa điện từ điều khiển xe gắn máy màu đen) liền đến lấy chùm chìa khóa, đồng thời bấm chìa khóa điện từ thì thấy chiếc xe gắn máy biển số 59M2-486.79 (nhãn hiệu Honda Vario 150 màu đen) của ông Q đang dựng ở chân cầu thang nháy đèn và phát ra tiếng kêu. K liền đi lên lầu nói cho N biết và rủ N lấy trộm chiếc xe của ông Q, N đồng ý. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, K và N cùng đi xuống tầng trệt (chỗ để chiếc xe gắn máy biển số 59M2-486.79). Tại đây, K dùng chìa khóa mở cốp xe thì thấy bên trong cốp xe có 01 chiếc ví màu đen (có in chữ LV và hoa văn hình bông hoa bốn cánh), trong ví không có tiền mà chỉ có 01 thẻ ATM của Ngân hàng Sacombank, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trương Minh Q, 01 bản photo giấy đăng ký xe biển số 59M2-486.79, nên K để chiếc ví lại cốp xe. Sau đó, K điều khiển xe gắn máy biển số 59M2-486.79, N điều khiển xe gắn máy biển số 83P1-669.58 cùng về nhà của K tại số 83/5C đường số 8, phường Long Phước, Quận 9. Đến 22 giờ cùng ngày, sợ bị phát hiện nên N gọi điện thoại kể cho bà Phan Thị Thu H (mẹ của N) biết. Bà H khuyên K và N đem xe trả cho ông Q rồi đến Công an đầu thú. K, N đồng ý và đem xe đến ngã tư đường Nguyễn Thế Thạch - đường Nguyễn Thế Thiệu, phường An Lợi Đông, thành phố Thủ Đức đưa cho bà H và nhờ bà H đem về trả cho ông Q.

Xong cả hai bỏ trốn về Tiền Giang, còn bà H đem chiếc xe đến Công an Phường 10, Quận 6 giao nộp.

Về phần ông Trương Minh Q, sau khi phát hiện thấy mất chiếc xe đã báo cho bà Châu Huệ N (chủ nhà trọ) biết. Qua kiểm tra Camera ghi hình thì phát hiện Lê Bửu K, Nguyễn Phan Hoàng N chính là người đã lấy trộm xe nên đến Công an Phường 10, Quận 6 trình báo.

Qua vận động của gia đình, ngày 12/01/2021, Lê Bửu K, Nguyễn Phan Hoàng N đến Công an Quận 6 đầu thú và khai nhận đã thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe như đã nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 10/KL-HĐĐGTS ngày 12 tháng 01 năm 2021 và số: 58/KL-HĐĐGTS ngày 26 tháng 3 năm 2021, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Quận 6 đã kết luận trị giá của chiếc xe gắn máy Honda Vario 150 màu đen, biển số 59M2-486.79, số khung MH1KF4112KK860098, số máy KF41E1862587 (còn khoảng 90% giá trị sử dụng) tại thời điểm ngày 10/01/2021 là: 51.000.000 đồng.

Còn 01 chiếc ví màu đen có in chữ LV và hoa văn hình bông hoa bốn cánh, do không cung cấp đầy đủ thông tin và đặc điểm của tài sản cần định giá (bị hại khai mua của một người bán dạo vào tháng 9/2020), nên Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Quận 6 từ chối định giá.

Tại Cáo trạng số: 35/CT-VKS-Q6 ngày 23 tháng 4 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Lê Bửu K, Nguyễn Phan Hoàng N về tội «Trộm cắp tài sản» theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Lê Bửu K, Nguyễn Phan Hoàng N đều khai nhận chính các bị cáo đã thực hiện hành vi như nội dung bản cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lê Bửu K, Nguyễn Phan Hoàng N như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Lê Bửu K từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» theo điểm c khoản 2 Điều 173; điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Nguyễn Phan Hoàng N từ 02 năm đến 03 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản» theo điểm c khoản 2 Điều 173; điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với các bị cáo Lê Bửu K, Nguyễn Phan Hoàng N, do các bị cáo không có khả năng thi hành.

Về bồi thường thiệt hại: Bị hại Trương Minh Q không yêu cầu, nên không đề nghị giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 cái áo sơ mi tay dài màu đỏ sọc caro.

Còn các vật chứng khác, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã xử lý xong, nên không đề nghị xử lý.

Đối với 01 USB (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh Lê Bửu K, Nguyễn Phan Hoàng N lấy trộm xe gắn máy tại khu nhà trọ số 103/6A đường LCH, Phường J, Quận F vào ngày 10/01/2021) đã được niêm phong, bên ngoài có hình dấu Cơ quan điều tra Công an Quận 6, là chứng cứ lưu hồ sơ, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, các bị cáo Lê Bửu K, Nguyễn Phan Hoàng N đều nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật, nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của các bị cáo Lê Bửu K, Nguyễn Phan Hoàng N tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với Biên bản ghi nhận hình ảnh qua Camera, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản thực nghiệm điều tra của Công an Quận 6; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Kết luận định giá tài sản số: 10/KL-HĐĐGTS ngày 12/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận 6; lời khai của bị hại Trương Minh Q và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lê Bửu K, Nguyễn Phan Hoàng N đã phạm tội «Trộm cắp tài sản». Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Các bị cáo Lê Bửu K, Nguyễn Phan Hoàng N đã lợi dụng sự sơ hở của ông Trương Minh Q, lén lút lấy trộm của ông Q 01 chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda Vario 150 màu đen, biển số 59M2-486.79, số máy KF41E1862587, số khung MH1KF4112KK860098 trị giá 51.000.000 đồng. Đây là vụ án có đồng phạm và theo lời khai của các bị cáo thì bị cáo Lê Bửu K là người chủ động rủ rê, ngoài việc phát hiện chùm chìa khóa (trong đó có chìa khóa chiếc xe biển số 59M2-486.79) của ông Q cắm trong ổ khóa cửa phòng trọ và để quên, còn là người phát hiện chiếc xe đang dựng ở chân cầu thang và cũng là người trực tiếp chiếm đoạt chiếc xe này. Bị cáo Nguyễn Phan Hoàng N là người giúp sức tích

cực cho bị cáo K trong việc chiếm đoạt tài sản và đem tài sản đi cất giấu. Tuy giữa các bị cáo có thống nhất cùng nhau thực hiện tội phạm, nhưng không có sự phân công bàn bạc, sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm, nên hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố các bị cáo Lê Bửu K, Nguyễn Phan Hoàng N về tội: «Trộm cắp tài sản» thuộc trường hợp «tài sản bị chiếm đoạt trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng» theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của các bị cáo Lê Bửu K, Nguyễn Phan Hoàng N không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, trị an chung.

Các bị cáo Lê Bửu K, Nguyễn Phan Hoàng N đều là những người đã trưởng thành, các bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội và được quy định trong Bộ luật hình sự, nhưng do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Bửu K, Nguyễn Phan Hoàng N là nghiêm trọng, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt các bị cáo những mức án nghiêm khắc tương xứng mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu (chưa có tiền án, tiền sự). Sau sự việc xảy ra đã đến cơ quan Công an đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình, đồng thời tự nguyện giao nộp lại tài sản để trả cho bị hại và được bị hại đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình tùy theo tính chất, mức độ, vai trò tham gia phạm tội của từng bị cáo theo quy định tại điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Và xét bị cáo Nguyễn Phan Hoàng N nhất thời phạm tội do bị rủ rê, xúi giục; bản thân là con, cháu gia đình có công cách mạng (có ông ngoại là ông Phan Thanh Tr được Chủ tịch nước Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba), nên Hội đồng xét xử quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo N theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự, thì các bị cáo Lê Bửu K, Nguyễn Phan Hoàng N còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có

thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Việc bồi thường thiệt hại: Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã xử lý trả 01 chiếc xe gắn máy Honda Vario 150 màu đen, biển số 59M2-486.79, số khung MH1KF4112KK860098, số máy KF41E1862587; 01 chiếc ví màu đen (có in chữ LV và hoa văn hình bông hoa bốn cánh); 01 thẻ Ngân hàng ATM Sacombank; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trương Minh Q; 01 bản photo giấy đăng ký xe biển số 59M2-486.79 cho ông Trương Minh Q. Tại phiên tòa, ông Q vắng mặt, nhưng tại Cơ quan điều tra ông Q không có ý kiến hay yêu cầu gì về phần bồi thường và đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo (theo Biên bản ghi lời khai ngày 25/3/2021 và Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 25/01/2021 của Công an Quận 6; Đơn xin không khiếu nại về việc mất tài sản ngày 11/01/2021 của ông Trương Minh Q - BL54, 108, 155), do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Việc xử lý vật chứng: 01 cái áo sơ mi tay dài màu đỏ sọc caro (bị cáo Nguyễn Phan Hoàng N mặc lúc lấy trộm tài sản), là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 24/PNK ngày 23 tháng 01 năm 2021 và Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Công an Quận 6; Quyết định chuyển vật chứng số: 36/QĐ-VKS-Q6 ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6)

Đối với 01 USB (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh Lê Bửu K, Nguyễn Phan Hoàng N lấy trộm xe gắn máy tại khu nhà trọ số 103/6A đường LCH, Phường J, Quận F vào ngày 10/01/2021) đã được niêm phong, bên ngoài có hình dấu Cơ quan điều tra Công an Quận 6, là chứng cứ lưu hồ sơ, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7] Các bị cáo Lê Bửu K, Nguyễn Phan Hoàng N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo **Lê Bửu K, Nguyễn Phan Hoàng N** phạm tội: «Trộm cắp tài sản».

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Lê Bửu K** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/01/2021.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Phan Hoàng N 01** (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/01/2021.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) cái áo sơ mi tay dài màu đỏ sọc caro.

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các bị cáo Lê Bửu K, Nguyễn Phan Hoàng N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại Trương Minh Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được thông báo hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Phòng PV06);
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên